

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/KDTM-PT
Ngày 18/5/2023
V/v "Tranh chấp phát sinh
từ hợp đồng xây dựng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Trong các ngày 23/3, 27/4, 12/5, 18/5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2023/TLPT-KDTM ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2022/KDTM-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2023/QĐ-PT ngày 16/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐ-PT ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức

Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ liên hệ: Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, số 01 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Quyết Thắng – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Cường – Luật sư; Ông Nguyễn Văn Khiên – Phó Giám đốc; Bà Nguyễn Thị Thảo – Trưởng phòng công nợ; có mặt

-Bị đơn: Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC)

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tử Giang – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Khổng Thị Thu An – Cán bộ pháp chế; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức (gọi tắt là Công ty Minh Đức) khởi kiện Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam để yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi công nợ Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015 và Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015 về việc cung cấp và thi công cọc đại trà PHC D400 CLASS A cho hạng mục Nhà hành chính và cọc đại trà PHC D600 CLASS A cho hạng mục Hệ thống nước làm mát cho công trình tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Nội dung cụ thể như sau:

I. Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015.

Nội dung hợp đồng: Ngày 27/04/2015, Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức (sau đây gọi là bên Nhận thầu) ký Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ với Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là bên Giao thầu) về việc cung cấp và thi công cọc đại trà PHC D400 CLASS A cho hạng mục Nhà hành chính, Nhà Canteen tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, cụ thể:

- Hàng hóa: Các loại cọc bê tông cốt thép theo đơn giá đính kèm Phụ lục Hợp đồng.

- Tổng giá trị hợp đồng (Bao gồm 10% thuế GTGT): 7.799.065.560 đồng.

- Tạm ứng: Bên Giao thầu sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 15% giá trị Hợp đồng.

- Tiến độ thanh toán:

+ Bên Giao thầu sẽ thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành cung cấp và thi công ép cọc mỗi khi Nhà thầu hoàn thành và nghiệm thu được 200 tim cọc.

+ Sau khi có báo cáo thí nghiệm cọc do Bên Giao thầu tiến hành, Bên Giao thầu sẽ thanh toán tiếp 5% giá trị công việc hoàn thành được nghiệm thu.

+ Số tiền 5% còn lại được Bên Giao thầu thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu nộp cho Bên Giao thầu bảo lãnh bảo hành tại Ngân hàng.

- Thời hạn thanh toán: Bên Giao thầu sẽ hoàn thành việc thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên Giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty Minh Đức đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ cam kết, tiến hành cung cấp đầy đủ hàng hóa, thi công ép cọc đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

Ngày 18/12/2019 Hai bên đã ký Bảng xác định khối lượng quyết toán.

Ngày 06/01/2021, Hai bên đã ký kết Bảng tổng hợp giá trị quyết toán của Hợp đồng, trong đó xác nhận tổng giá trị đã sản xuất và thi công ép cọc theo thực tế là:

Giá trị Hợp đồng là: 7.799.065.560 đồng. Giá trị quyết toán là: 7.524.054.729 đồng.

Giá trị Công ty Minh Đức đã xuất hóa đơn là: 7.512.364.472 đồng.

Giá trị Bên Giao thầu đã thanh toán là: 6.234.421.015 đồng.

Giá trị Bên Giao thầu còn phải thanh toán là: 1.289.633.714 đồng.

II. Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015:

1. Nội dung hợp đồng: Ngày 14/7/2015, Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức (sau đây gọi là bên Nhận thầu) ký Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ với Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là bên Giao thầu) về việc cung cấp, thiết kế và thi công lắp đặt hạng mục cọc bê tông cọc đại trà PHC D600 CLASS A cho hạng mục Hệ thống nước làm mát cho công trình tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, cụ thể:

Hàng hóa: Các loại cọc bê tông cốt thép theo đơn giá đính kèm Phụ lục Hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng (Bao gồm 10% thuế GTGT): 95.103.375.576 đồng. Tạm ứng: Bên Giao thầu sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 15% giá trị Hợp đồng. Tiến độ thanh toán: Bên Giao thầu sẽ thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành cung cấp và thi công ép cọc mỗi khi Nhà thầu hoàn thành và nghiệm thu được 200 tim cọc. Sau khi có báo cáo thí nghiệm cọc do Bên Giao thầu tiến hành, Bên Giao thầu sẽ thanh toán tiếp 5% giá trị công việc hoàn thành được nghiệm thu. Số tiền 5% còn lại được Bên Giao thầu thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu nộp cho Bên Giao thầu Bảo lãnh bảo hành tại Ngân hàng. Thời hạn thanh toán: Bên Giao thầu sẽ hoàn thành việc thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên Giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng: Thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty Minh Đức đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ cam kết, tiến hành cung cấp đầy đủ hàng hóa, thi công ép cọc đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Hai bên ký xác nhận thực tế giá trị hàng hóa đã thi công được nghiệm thu như sau:

- Giá trị đã hoàn thành của các Đợt thanh toán theo giai đoạn như sau:

+ Ngày 28/01/2016 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 1 là: 15.170.980.510 đồng.

+ Ngày 01/02/2016 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 2 là: 17.749.069.591 đồng.

+ Ngày 01/02/2016 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 3 là: 13.319.966.972 đồng.

+ Ngày 12/05/2016 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 4 là: 16.644.386.543 đồng.

+ Ngày 07/09/2016 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 5 là: 16.769.296.060 đồng.

+ Ngày 29/6/2018 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 6 là: 8.516.042.935 đồng.

+ Ngày 02/04/2019 Hai bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán Đợt 7 là: 4.503.398.242 đồng.

Căn cứ vào hồ sơ 07 Đợt thanh toán đã được Bên Giao thầu xác nhận thì giá trị phải thanh toán thực tế của Hợp đồng là: 92.673.140.853 đồng.

Giá trị tổng Bị đơn phải thanh toán toàn bộ công việc đã hoàn thành theo Hợp đồng như sau:

Giá trị Hợp đồng là: 95.103.375.576 đồng.

Giá trị phải thanh toán thực tế đã xuất hóa đơn là: 92.673.140.853 đồng.

Giá trị Bên Giao thầu đã thanh toán là: 73.179.866.171 đồng.

Giá trị Bên Giao thầu còn phải thanh toán là: 19.493.274.682 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc của 02 Hợp đồng mà Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Minh Đức là: 20.370.067.549 đồng.

Đối với số tiền 129.175.779 đồng bị đơn yêu cầu nguyên đơn giảm trừ tiền điện và các chi phí khác nhưng đến nay vẫn chưa đưa ra được tài liệu chứng minh việc giảm trừ này nên nguyên đơn không chấp nhận giảm trừ.

Kể từ khi đến hạn thanh toán các hợp đồng trên, mặc dù Hai bên đã xác nhận đối chiếu công nợ và Công ty Minh Đức đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc đơn đốc bằng văn bản nhưng Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam vẫn không hợp tác trả nợ và không có lộ trình thanh toán khả thi.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ- CP ngày 07/5/2010 (nay là khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ- CP ngày 22/4/2015) của Chính phủ quy định về mức bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán của Hợp đồng Xây dựng như sau: Trong trường hợp Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho Bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm

thanh toán do ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu.

Căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về lãi suất, Công ty Minh Đức sẽ tính lãi chậm thanh toán hợp đồng theo mức lãi 0,028%/ ngày (tương đương 10%/năm) trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam phải chịu bồi thường thiệt hại vì chậm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Việc Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam không thanh toán theo cam kết đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty Minh Đức, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Minh Đức. Căn cứ các hợp đồng đã ký, công việc đã thực hiện và quy định pháp luật hiện hành, Công ty Minh Đức đề nghị Tòa án xem xét và tuyên buộc: Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Minh Đức số tiền của 02 Hợp đồng cụ thể là:

+ Khoản tiền còn phải thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 1.289.633.714 đồng.

Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 17/01/2021 (sau 10 ngày kể từ ngày ký quyết toán) đến ngày 22/4/2022 là: 164.786.530 đồng.

Tổng nợ cả gốc và lãi của Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 1.454.420.244 đồng.

+ Khoản tiền còn phải thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 19.080.433.835 đồng

Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 13/04/2019 (sau 10 ngày kể từ ngày ký hồ sơ đợt thanh toán cuối) đến ngày 22/4/2022 là: 5.856.633.163 đồng.

Tổng nợ cả gốc và lãi của Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 24.937.066.998 đồng

Tổng giá trị yêu cầu thanh toán cả gốc và lãi của 02 Hợp đồng là: 26.391.487.242 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận:

+ Ngày 27/04/2015, Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức và Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam có ký Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC-MĐ về việc cung cấp và thi công cọc đại trà PHC D400 CLASS A cho hạng mục Nhà hành chính, Nhà Canteen tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

+ Ngày 14/7/2015, Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức và Tổng

công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam có ký Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ với về việc cung cấp, thiết kế và thi công lắp đặt hạng mục cọc bê tông cọc đại trà PHC D600 CLASS A cho hạng mục Hệ thống nước làm mát cho công trình tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Quá trình giải quyết vụ án: Đại diện Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam trình bày: Đối với HĐ số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015, khoản tiền Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức là 1.289.633.714 đồng.

Đối với HĐ số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015, khoản tiền Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức là 19.080.433.835 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc của 02 Hợp đồng mà Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Minh Đức là: 20.370.067.549 đồng.

Bị đơn xin được thanh toán theo lộ trình 1.000.000.000 đồng/tháng. Đề nghị Công ty Minh Đức giảm trừ tiền điện và các chi phí khác với số tiền 129.175.779 đồng và miễn tiền lãi chậm trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn chấp nhận giảm trừ tiền điện số tiền 85.217.535 đồng như đề nghị của bị đơn và tính chuyển số tiền 412.840.847 đồng bị đơn đã thanh toán ngày 28/01/2022 từ Hợp đồng số 60 sang Hợp đồng số 43 (Tại Biên bản hòa giải ngày 21/3/2022 số tiền này được tính thanh toán cho Hợp đồng số 60). Nay, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam thanh toán trả Công ty Minh Đức số tiền còn nợ của 02 Hợp đồng cụ thể là:

+ Khoản tiền còn phải thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 780.855.332 đồng. Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/4/2022 là: 101.294.289 đồng.

Tổng nợ cả gốc và lãi của Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 882.149.621 đồng.

+ Khoản tiền còn phải thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 19.493.274.682 đồng. Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 13/04/2019 đến ngày 29/4/2022 là: 6.021.255.957 đồng.

Tổng nợ cả gốc và lãi của Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ là: 25.514.530.639 đồng.

Tổng giá trị yêu cầu thanh toán cả gốc và lãi của Hợp đồng số 43 và Hợp đồng số 60 là: 26.396.680.260 đồng.

-Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị:

- Đối với Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ:

+ Giá trị Hợp đồng: 7.799.065.560 đồng;

+ Giá trị đã phát hành hóa đơn: 7.512.364.472 đồng;

+ Giá trị đã thanh toán: 6.732.479.397 đồng;

Trong đó giá trị bù trừ tiền điện là: 85.217.535 đồng.

+ Giá trị giữ lại 5% để bảo hành: 376.202.736 đồng.

+ Giá trị còn phải thanh toán là: 403.682.339 đồng.

- Đối với Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ:

+ Giá trị Hợp đồng: 95.103.375.576 đồng;

+ Giá trị đã phát hành hóa đơn: 92.673.140.853 đồng;

+ Giá trị đã thanh toán: 73.223.824.415 đồng;

(đã bao gồm giá trị bù trừ tiền điện, làm thẻ an toàn, phạt HSEE là: 43.958.244 đồng)

+ Giá trị giữ lại 10%: 9.267.314.085 đồng.

+ Giá trị khối lượng phát sinh hồ móng: 35.873.761 đồng.

+ Giá trị còn phải thanh toán là: 10.146.128.592 đồng.

Tổng giá trị Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam nợ đến hạn phải thanh toán cho Công ty Minh Đức theo Hợp đồng số 43 và Hợp đồng số 60 là 10.549.810.931 đồng không bao gồm chi phí giữ lại của Hợp đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2022/KDTM-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xử:

Áp dụng: Điều 140 Luật Xây dựng; Điều Điều 155; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị định 37/CP/2015/NĐ- CP ngày 22/4/2015; khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức đối với Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam về việc “Tranh chấp phát sinh từ HĐ xây dựng”.

2/ Xác nhận: Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam còn nợ của Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức các khoản sau:

+ Theo Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015 về việc cung cấp và thi công cọc đại trà PHC D400 CLASS A cho hạng mục Nhà hành chính, Nhà Canteen tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại Xã Mỹ Lộc,

huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữa Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức là: 780.855.332đ; Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/4/2022 là: 101.294.289đ.

+ Theo Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015, về việc cung cấp, thiết kế và thi công lắp đặt hạng mục cọc bê tông cọc đại trà PHC D600 CLASS A cho hạng mục Hệ thống nước làm mát cho công trình tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, địa chỉ tại Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữa Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức là: 19.493.274.682đ; Tiền chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 13/4/2019 đến ngày 29/4/2022 là: 6.021.255.957đ.

3/ Buộc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam phải thanh toán trả Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức tổng số nợ gốc, lãi chậm thanh toán của Hợp đồng số 43 và Hợp đồng số 60 là: 26.396.680.260đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

3/ Án phí: Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam phải chịu 134.396.680đ án phí kinh doanh thương mại.

Trả lại Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức số tiền tạm ứng án phí đã nộp 68.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo biên lai số 00034006 ngày 03/12/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền 9.267.316.438 đồng của hợp đồng số 60 chưa hình thành công nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Bị đơn không có ý kiến gì đối với hợp đồng số 43. Đối với hợp đồng số 60 bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nợ gốc, nợ lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đối với hợp đồng số 60 buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 19.493.274.682 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 29/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức với Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có địa chỉ tại Tầng 25, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty Dầu Khí) và Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức (sau đây viết tắt là Công ty Minh Đức) đã ký với nhau hai hợp đồng xây dựng đó là hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 27/4/2015 về việc cung cấp và thi công cọc đại trà PHC D400 CLASS A cho hạng mục nhà chính, nhà canteen tại dự án nhiệt điện Thái Bình 2 tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 14/7/2015 về việc cung cấp thiết kế và thi công lắp đặt hạng mục cọc bê tông, cọc đại trà PHC D600 CLASS A cho hạng mục hệ thống nước làm mát cho công trình tại dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

Xét hình thức, nội dung và chủ thể tham gia ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, tự do thỏa thuận và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành.

Đối với hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 27/4/2015 Công ty Minh Đức đã thực hiện xong. Án sơ thẩm đã tuyên Công ty Dầu Khí phải trả cho Công ty Minh Đức 780.855.332 đồng tiền gốc và 101.294.289 đồng tiền lãi do chậm thanh toán thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày 29/4/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Phần này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 14/7/2015, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Minh Đức đã thực hiện xong các công việc mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng (hiện công trình đã đi vào hoạt động từ năm 2019) và hai bên xác định tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tổng số tiền nợ gốc Công ty Dầu Khí phải thanh toán cho Công ty Minh Đức là 19.493.274.682 đồng, nên án sơ thẩm buộc Công ty Dầu Khí phải thanh toán cho Công ty Minh Đức số tiền nợ gốc trong hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 14/7/2015 là có căn cứ, nên giữ nguyên.

Xét số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty Dầu Khí, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm các bên xác nhận nguyên đơn chuyển toàn bộ hồ sơ quyết toán cho bị đơn vào tháng 12/2020 và đến ngày 01/4/2021 nguyên đơn nhận được công văn của Công ty Dầu Khí về việc yêu cầu sửa chữa hồ sơ quyết toán và đề nghị thanh toán. Theo Điều 9 khoản 9.2.3 của Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 14/7/2015 quy định: Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bị đơn nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của nguyên đơn. Do vậy, xác định thời điểm chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/4/2022 như vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Án sơ thẩm xác định thời điểm chậm thanh toán từ ngày 13/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/4/2022 với số tiền lãi do chậm thanh toán 6.021.255.957 đồng là không đúng, vì vậy chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi do chậm thanh toán được tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/4/2022 là 2.098.864.917 đồng.

Về mức lãi chậm trả 10%/năm mà án sơ thẩm đã áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về mức bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán của hợp đồng xây dựng và Điều 468 của Bộ luật Dân sự là đúng pháp luật, nên giữ nguyên.

Bị đơn kháng cáo cho rằng trong số nợ gốc 19.493.274.682 đồng thì bị đơn nợ 10.146.128.592 đồng, còn số tiền 9.267.316.438 đồng do chưa có hồ sơ quyết toán nên không phải là số tiền nợ là không có căn cứ, bởi lẽ các hạng mục trong hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC-MĐ ngày 14/7/2015 nguyên đơn đã thực hiện xong

từ năm 2019 và công trình đã được đưa vào sử dụng. Mặt khác ngày 01/4/2021 Công ty Dầu Khí đã nhận được hồ sơ thanh quyết toán từ Công ty Minh Đức nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty Dầu Khí.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi do chậm thanh toán.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 155; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 140 của Luật Xây dựng

Áp dụng Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2022/KDTM-ST ngày 29/4/2022 và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức đối với Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng”.

2. Buộc Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức:

+ Theo Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015: Nợ gốc: 780.855.332 đồng; Nợ lãi: 101.294.289 đồng.

+ Theo Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015: Nợ gốc: 19.493.274.682 đồng; Nợ lãi: 2.098.864.917 đồng

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi của cả Hợp đồng số 43/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 27/4/2015 và Hợp đồng số 60/2015/HĐKT/PVC- MĐ ngày 14/7/2015 là: 22.474.289.180 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam phải chịu 130.474.289 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức 68.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0034006 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Tổng công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0034360 ngày 24/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Nguyễn Thái Sơn